

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Văn Hưu) thuộc dự án xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà*

*Căn cứ Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà;*

*Căn cứ Thông báo số 83/TB-UBND ngày 29/4/2020 của UBND thành phố Đông Hà về việc thu hồi đất xây dựng công trình đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Văn Hưu);*

*Căn cứ Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình xây dựng hệ thống giao thông thành phố Đông Hà, hạng mục đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Văn Hưu);*

*Căn cứ Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố Đông Hà về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 391/TTr-TTPTQĐ ngày 14/9/2020; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo kết quả thẩm định số 522/BCTĐ-PTNMT ngày 15/9/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường Trần Phú (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Văn Hưu) thuộc dự án xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà với các nội dung như sau:

1. Tổng kinh phí: 2.438.318.000 đồng

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 05 trường hợp: 2.390.508.000 đồng

- Kinh phí phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố: 43.029.000 đồng

- Kinh phí thẩm định hồ sơ của Phòng Tài nguyên và Môi trường: 4.781.000 đồng

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn thuộc dự án.

**Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị.**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai Quyết định này; lập kế hoạch chi trả kinh phí cho người được bồi thường, hỗ trợ.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chi trả kinh phí cho người được bồi thường, hỗ trợ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố, Chủ tịch UBND Phường 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người được bồi thường, hỗ trợ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././ w/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND thành phố;
- CVP, PCVP, CVVP;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Dũng**

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 1) ĐỀ GPMB XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG TRẦN PHÚ (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI ĐẾN ĐƯỜNG LÊ VĂN HỮU)**

**THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

*(Kèm theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của UBND thành phố Đông Hà)*

TT	Tên người được bồi thường, hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Thông tin về thửa đất thu hồi				Nguồn gốc của thu hồi đất	Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất							Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (đồng)					Các chính sách hỗ trợ	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
			Số tờ ĐĐ	Số thửa	DT hiện trạng (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )		Nội dung phân tích, xác định bồi thường, hỗ trợ về đất	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Vị trí, loại đường	Độ giá bồi thường (đồng)	Đơn giá hỗ trợ đất vườn (đồng)	Thành tiền	Nhà cửa	Vật kiến trúc	Cây trồng	Vật nuôi	Mô mã						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=11*(13+14)	16	17	18	19	20	21	22	23=Σ(15+21)-22			
01	Ông Đỗ Đức Thế và bà Trần Thị Thu	Khu phố 8, Phường 1	23	711 (139a)	182,0	1,0	Thửa đất đã được UBND thành phố Đông Hà cấp giấy CNQSD đất số BI 068664 ngày 01/3/2012 tại thửa đất số 711 (139a), tờ bản đồ số 23, Phường 1 với diện tích 161,0m <sup>2</sup> đất ODT cho ông Nguyễn Thế Cường và bà Nguyễn Thị Thúy Trinh. Ngày 30/6/2016, ông Đỗ Đức Thế và bà Trần Thị Thu đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 711 (139a), tờ bản đồ số 23, Phường 1. Phần diện tích chênh lệch giữa giấy CNQSD đất và danh sách thu hồi đất là do ranh giới hiện trạng sử dụng đất giữa hộ ông Thế với các hộ liền kề có thay đổi và do cất quy hoạch mở đường. Hộ ông Thế và các hộ liền kề đã thống nhất và ký xác nhận vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Phần diện tích thu hồi 1,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất và được hộ ông Thế sử dụng ổn định từ năm 2016 cho đến nay.	Phần diện tích thu hồi 1,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất và được hộ ông Thế sử dụng ổn định từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, căn cứ Điều 82 Luật đất đai 2013, ông Đỗ Đức Thế và bà Trần Thị Thu không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.			VT1-4f							50.483.000							50.483.000
02	Ông Nguyễn Thanh Long và bà Nguyễn Thị Diệp	Khu phố 8, Phường 1	23	744	394,0	19,0	Thửa đất có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng và đã được UBND thành phố Đông Hà cấp giấy CNQSD đất số BV 589402 ngày 21/01/2016 tại thửa đất số 744 (139+140+728+(141)), tờ bản đồ số 23, Phường 1 với diện tích 281,0m <sup>2</sup> (274,0m <sup>2</sup> đất ODT và 7,0m <sup>2</sup> đất HNK) cho ông Nguyễn Thanh Long và bà Nguyễn Thị Diệp. Phần diện tích chênh lệch giữa giấy CNQSD đất và danh sách thu hồi đất là do ranh giới hiện trạng sử dụng đất giữa hộ ông Long với các hộ liền kề có thay đổi và do cất quy hoạch mở đường. Hộ ông Long và các hộ liền kề đã thống nhất và ký xác nhận vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Phần diện tích thu hồi 19,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất, trong đó có 1,0m <sup>2</sup> kê khai đất ông Long nhưng chưa được cấp giấy và 18,0m <sup>2</sup> là đất giao thông do UBND phường quản lý. Phần diện tích 19,0m <sup>2</sup> được hộ ông Long sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2016 cho đến nay.	Phần diện tích thu hồi 19,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất và được hộ ông Long sử dụng ổn định từ năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, căn cứ Điều 82 Luật đất đai 2013, ông Nguyễn Thanh Long và bà Nguyễn Thị Diệp không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.			VT1-4f							8.812.000							8.812.000
03	Hộ Lê Quang Huân và Nguyễn Thị Bích Thảo	Khu phố 8, Phường 1	24	92	278,0	2,0	Thửa đất đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp giấy CNQSD đất số Đ 622080 ngày 19/7/2004 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24, Phường 1 với diện tích 200,0m <sup>2</sup> đất ODT cho hộ Lê Quang Huân và Nguyễn Thị Bích Thảo. Phần diện tích chênh lệch giữa giấy CNQSD đất và danh sách thu hồi đất là do ranh giới hiện trạng sử dụng đất giữa hộ ông Huân với các hộ liền kề có thay đổi và do cất quy hoạch mở đường. Hộ ông Huân và các hộ liền kề đã thống nhất và ký xác nhận vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Phần diện tích thu hồi 2,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất, là đất giao thông do UBND phường quản lý.	Phần diện tích thu hồi 2,0m <sup>2</sup> nằm ngoài giấy CNQSD đất, là đất giao thông do UBND phường quản lý. Vì vậy, Căn cứ Điều 82 Luật đất đai 2013, hộ Lê Quang Huân và Nguyễn Thị Bích Thảo không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.									113.000	3.162.000						4.415.000	
			24	90 (90/1)	470,0	333,0	Đất do UBND phường quản lý	Đất do UBND phường quản lý. Vì vậy, Căn cứ Điều 82 Luật đất đai 2013, hộ ông Lê Quang Huân và bà Nguyễn Thị Bích Thảo không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.										889.000	251.000						
04	Hộ ông Trương Quang Bút	Khu phố 8, Phường 1	24	127 (127/1)	523,0	77,0	Đất do UBND phường quản lý	Đất do UBND phường quản lý, căn cứ Điều 82 Luật Đất đai 2013, đất không đủ điều kiện bồi thường.									13.472.000	1.331.000					14.803.000		

✓

TT	Tên người được bồi thường, hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Thông tin về thửa đất thu hồi				Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất									Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (đồng)					Các chính sách hỗ trợ	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
			Số tờ ĐĐ	Số thửa	DT hiện trạng (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc của thửa đất	Nội dung phân tích, xác định bồi thường, hỗ trợ về đất	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Vị trí, loại đường	Đơn giá bồi thường (đồng)	Đơn giá hỗ trợ đất vườn (đồng)	Thành tiền	Nhà cửa	Vật kiến trúc	Cây trồng	Vật nuôi	Mô mã									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=11*(13+14)	16	17	18	19	20	21	22	23=Σ(15+21)-22						
05	Ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An	Khu phố 8, Phường I	23	95	265,0	70,0	<p>Thửa đất có nguồn gốc nhận thừa kế đất của bố mẹ là ông Trương Công Quân và bà Đoàn Thị An (bố mẹ hiện nay đã chết) được UBND thị xã Đông Hà cấp tại Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 30/10/1981 với diện tích 800,0m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Tiến Dũng 351,0m<sup>2</sup>; phần diện tích còn lại thừa kế lại cho 02 con là ông Trương Toàn và ông Trương Ngọc Huy. Hộ ông Trương Toàn và hộ ông Trương Ngọc Huy đã thỏa thuận cho ông Trương Toàn và vợ là bà Vũ Thị Quốc An được hưởng 250,0m<sup>2</sup> trong Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 30/10/1981. Hộ ông Trương Toàn kê khai đăng ký trong hồ sơ địa chính năm 1993 tại thửa 932, tờ bản đồ số 4 với diện tích 459,0m<sup>2</sup> đất T.</p> <p>Thửa đất đã được UBND thành phố Đông Hà cấp giấy CNQSD đất số BV 672164 ngày 09/01/2015 tại thửa đất số 95 tờ bản đồ số 23, Phường 1 với diện tích 271,0m<sup>2</sup> (250,0m<sup>2</sup> đất ODT và 21,0m<sup>2</sup> đất BHK) cho ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An. Trong phần diện tích thu hồi 70,0m<sup>2</sup> trong giấy CNQSD đất và được hộ ông Toàn sử dụng từ năm 1981 cho đến nay.</p>	<p>Thửa đất đã được UBND thành phố Đông Hà cấp giấy CNQSD đất số BV 672164 ngày 09/01/2015 tại thửa đất số 95 tờ bản đồ số 23, Phường 1 với diện tích 271,0m<sup>2</sup>. Tổng diện tích đất thu hồi 70,0m<sup>2</sup> nằm trong giấy CNQSD đất. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013, ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.</p> <p>Căn cứ theo Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị. Diện tích đất ở = (Diện tích đất bị thu hồi/Tổng diện tích đất thực tế sử dụng) x Diện tích đất ở theo giấy CNQSD đất";</p> <p>- Diện tích đất ở ODT: Vị trí 1: (70,0m<sup>2</sup>/265,0m<sup>2</sup>) x 250,0m<sup>2</sup> = 66,0m<sup>2</sup></p> <p>- Diện tích đất BHK: Vị trí 1: 70,0m<sup>2</sup> - 66,0m<sup>2</sup> = 4,0m<sup>2</sup></p> <p>Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 18 Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị thì ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 45% giá đất ở của thửa đất đó. Đơn giá hỗ trợ đất BHK là: 26.597.000đ/m<sup>2</sup> x 45% = 11.969.000đ/m<sup>2</sup></p>	ODT	66,0	VT1-2a	26.597.000		1.803.446.000	220.933.000	74.542.000	2.031.000	34.858.000										
			BHK	4,0	VT1-2a	41.927		11.969.000																				
			23	92 (92/1)	61,0	59,0	<p>Thửa đất số 92/1, tờ bản đồ số 35 được hộ ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An sử dụng vào mục đích nông nghiệp ổn định, liên tục, không tranh chấp từ năm 1994 cho đến nay. Hộ ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An là hộ không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì hộ ông Trương Toàn và bà Vũ Thị Quốc An đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo hình thức thuê đất nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.</p> <p>- Đơn giá bồi thường về đất: 41.927đ/m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh)</p> <p>- Đơn giá khấu trừ nghĩa vụ tài chính: 25.410đ/m<sup>2</sup> x 1,65 = 41.927đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>Căn cứ Điểm b Khoản 5 Điều 1 Quyết định 34/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị thì được hỗ trợ 35% bình quân đất ở tại khu vực theo bảng giá đất UBN D tỉnh ban hành. Thửa đất thuộc vị trí đường Nguyễn Trãi giao đườngđất có mặt cắt 3m-6m, do đó đơn giá hỗ trợ như sau:</p> <p>+ Đơn giá đất ở trung bình đường Nguyễn Trãi, xếp loại 2a: ((14.389.000đ/m<sup>2</sup> + 5.756.000đ/m<sup>2</sup> + 3.166.000đ/m<sup>2</sup> + 2.158.000đ/m<sup>2</sup>)/4) = 6.367.250đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>+ Đơn giá đất ở trung bình đường đất có mặt cắt từ 3,0m đến 6,0m, xếp loại 4f: ((2.093.000đ/m<sup>2</sup> + 837.000đ/m<sup>2</sup> + 460.000đ/m<sup>2</sup> + 314.000đ/m<sup>2</sup>)/4) = 926.000đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>Vậy, đơn giá hỗ trợ đất BHK là: (6.367.250đ/m<sup>2</sup> + 926.000đ/m<sup>2</sup>*10%) * 35% = 2.260.948đ/m<sup>2</sup></p>	BHK	59,0	VT1-2a giao 4f	41.927		135.870.000		42.789.000													2.474.000
Tổng cộng														1.939.316.000	220.933.000	191.100.000	6.775.000		0	34.858.000	2.474.000	2.390.508.000						